

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ thông tin**

## **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 19/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 và Nghị định số 89/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Cục Công nghệ thông tin là tổ chức trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, có chức năng giúp Bộ trưởng quản lý, chỉ đạo về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; lưu trữ, bảo quản thông tin thuộc phạm vi quản lý và theo phân cấp của Bộ; tổ chức thực hiện các dịch vụ công về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Cục Công nghệ thông tin có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; trụ sở tại thành phố Hà Nội.

### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Chủ trì xây dựng, trình Bộ trưởng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.



2. Trình Bộ trưởng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng quy định về cơ chế tài chính trong việc cung cấp thông tin tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý của Bộ; quy chế xây dựng, quản lý, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng định mức, đơn giá, quy định kỹ thuật đối với hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, bao gồm: các chuẩn dữ liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường; phần mềm dùng chung; các dịch vụ trực tuyến; chính sách an toàn và bảo mật thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường.

5. Hướng dẫn nghiệp vụ thông tin tư liệu đối với các đơn vị trực thuộc Bộ có chức năng thông tin tư liệu và Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

6. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về Chiến lược ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, thương mại hóa thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường.

7. Về cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Là đầu mối thường trực, chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường trong chương trình ứng dụng công nghệ thông tin của Chính phủ;

b) Thu thập, xử lý, lưu trữ thông tin theo phân cấp của Bộ, bao gồm: dữ liệu số của các loại bản đồ nền, bản đồ chuyên đề, tài liệu điều tra cơ bản về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ phục vụ việc thành lập cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường;

c) Tổ chức xây dựng, cập nhật, quản lý, cung cấp, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường, bao gồm: cơ sở hạ tầng thông tin địa lý, thông tin đo đạc bản đồ, thông tin đất đai, thông tin tài nguyên khoáng sản, thông tin tài nguyên nước, thông tin môi trường, thông tin khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, thông tin biển và hải đảo, các thông tin khác trong nước và quốc tế có liên quan phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của Bộ;

d) Phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ xây dựng, cập nhật, quản lý, cung cấp, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

## 8. Về hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường

a) Tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác thư viện điện tử, Công thông tin điện tử và các hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường trực tuyến của Bộ;

b) Tổ chức thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ phục vụ quản lý và hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành tài nguyên và môi trường;

c) Hướng dẫn và phối hợp xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, đề án, dự án phục vụ cải cách hành chính và công tác quản lý, điều hành của Lãnh đạo Bộ theo quy định của pháp luật.

## 9. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

a) Chủ trì tổ chức nghiên cứu ứng dụng, thiết kế, lắp đặt hệ thống trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của Bộ;

b) Quản lý, bảo trì mạng diện rộng của Bộ, bảo đảm việc kết nối giữa các cơ quan, đơn vị trong ngành tài nguyên và môi trường, các địa phương với Bộ; là đầu mối kết nối với mạng thông tin của Chính phủ, các Bộ, ngành và các tổ chức có liên quan;

c) Xây dựng và thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu số và ứng phó với sự cố về an toàn thông tin đối với hạ tầng kỹ thuật thông tin của Bộ;

## 10. Về cung cấp dịch vụ và thương mại hóa thông tin tài nguyên và môi trường

a) Tổ chức quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong giao dịch điện tử của Bộ;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan về ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại hóa thông tin, dữ liệu, sản phẩm ngành tài nguyên và môi trường;

d) Thực hiện chuyển giao công nghệ và các dịch vụ về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin; tư vấn xây dựng, thẩm định, giám sát các dự án về công nghệ thông tin; phát triển các sản phẩm về công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

## 11. Về quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

a) Tổ chức thu thập, lưu trữ, công bố, cung cấp thông tin về tài nguyên và môi trường, các sản phẩm, kết quả của các đề án, dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Bộ theo quy định; cung cấp thông tin, tư liệu



tổng hợp về tài nguyên và môi trường cho cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, xã hội và các đối tượng khác theo quy định;

b) Hướng dẫn trình tự, thủ tục xây dựng, quản lý và nghiệm thu các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật;

c) Chu trì kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên và môi trường; phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

d) Tổ chức thẩm định chất lượng sản phẩm công nghệ thông tin của các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị thuộc Bộ; thẩm định, kiểm thử các phần mềm chuyên ngành, các dịch vụ công nghệ thông tin ứng dụng trong ngành tài nguyên và môi trường; thẩm định và góp ý kiến đối với các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin của các Sở Tài nguyên và Môi trường; tham gia thẩm định, kiểm tra nghiệm thu sản phẩm các dự án đầu tư về ứng dụng công nghệ thông tin theo phân công của Bộ trưởng;

đ) Hướng dẫn nghiệp vụ và hỗ trợ các đơn vị thuộc Bộ, các Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật về triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin; thông tin, lưu trữ tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu; xây dựng và phát triển hệ thống mạng thông tin;

e) Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc phân bổ các nguồn vốn sử dụng cho hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin;

g) Là đầu mối liên hệ, theo dõi, báo cáo Bộ trưởng về hoạt động của các hội, các tổ chức trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường.

12. Thực hiện hợp tác quốc tế và tham gia các hoạt động quốc tế trong lĩnh vực công nghệ thông tin: thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về công nghệ thông tin theo phân công của Bộ trưởng.

13. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về công nghệ thông tin cho ngành tài nguyên và môi trường theo phân cấp của Bộ và theo quy định của pháp luật.

14. Tổ chức thực hiện cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của Bộ và phân công của Bộ trưởng.

15. Quản lý tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động, tài chính, tài sản thuộc phạm vi quản lý của Cục theo phân cấp của Bộ và theo quy định của pháp luật.

16. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

#### **1. Lãnh đạo Cục Công nghệ thông tin**

Cục Công nghệ thông tin có Cục trưởng và không quá 03 Phó Cục trưởng.

Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về các nhiệm vụ được giao; điều hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Cục; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức thuộc Cục; xây dựng quy chế làm việc của Cục; ký các văn bản về chuyên môn, nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các văn bản khác theo phân cấp và ủy quyền của Bộ trưởng.

Phó Cục trưởng giúp việc Cục trưởng, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về lĩnh vực công tác được phân công.

#### **2. Các tổ chức giúp việc Cục trưởng**

- a) Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- b) Phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế;
- c) Phòng Pháp chế;
- d) Phòng Hệ thống thông tin;
- đ) Phòng Quản lý hoạt động công nghệ thông tin;
- e) Văn phòng;
- g) Chi nhánh Cục Công nghệ thông tin tại thành phố Hồ Chí Minh.

#### **3. Các đơn vị sự nghiệp**

- a) Trung tâm Chuyên gia công nghệ;
- b) Trung tâm Công nghệ phần mềm và GIS;
- c) Trung tâm Lưu trữ và Dịch vụ thông tin tài nguyên - môi trường;
- d) Trung tâm Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin;
- đ) Trung tâm Kiểm định sản phẩm công nghệ thông tin;
- e) Trung tâm Thông tin điện tử;
- g) Trung tâm Ứng dụng công nghệ thông tin phía Nam (trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh).

Văn phòng, Chi nhánh Công nghệ thông tin tại thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật.

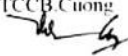
#### **Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 913/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Công nghệ thông tin.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Ban cán sự đảng Bộ, Đảng ủy Bộ,  
Công đoàn Bộ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ,  
Hội CCB cơ quan Bộ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TCCB, Công



**Phạm Khôi Nguyên**